

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 216/2021/HNGĐ-ST
Ngày 30-9-2021
V/v Ly hôn và con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Sự.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Đức Cảnh

Ông Hoàng Đức Hân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 302/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2021 về việc ly hôn và con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 206/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 226/2021/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đàm Thị T sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn H, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Vũ Trọng B, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn H, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 01/7/2021 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là chị Đàm Thị T trình bày:

1. Về hôn nhân: Chị Đàm Thị T và anh Vũ Trọng B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 83/2011 ngày 13/10/2011 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, thành phố Hải Phòng. Sau cưới vợ chồng ở cùng với gia đình anh B tại xã M một thời gian thì chuyển về sinh sống tại thôn H, xã L. Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hoà hợp, bất đồng quan điểm trong việc làm ăn kinh tế. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hoà giải nhưng không thành. Do mâu thuẫn chị T và anh B đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vũ Trọng B.

2. Về con chung: Chị T trình bày chị và anh B có hai con chung là Vũ Ánh Dương, sinh ngày 12/5/2012 và Vũ Kiều Oanh, sinh ngày 18/9/2015. Hiện nay chị T đang nuôi cả hai con. Khi ly hôn chị T đề nghị được tiếp tục trực tiếp nuôi cả hai con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T đề nghị để chị và anh B tự thoả thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị T trình bày chị không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn.

Anh Vũ Trọng B là bị đơn, trong quá trình giải quyết vụ án đã nhận được thông báo thụ lý vụ án và các văn bản của Tòa án nhưng vẫn không có ý kiến về việc chị T có đơn xin ly hôn.

Tại phiên toà Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt. Về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Về hôn nhân: Cho chị Đàm Thị T được ly hôn anh Vũ Trọng B; về con chung: Giao cho chị T trực tiếp nuôi cả hai con chung là Vũ Ánh Dương, sinh ngày 12/5/2012 và Vũ Kiều Oanh, sinh ngày 18/9/2015; về tài sản chung: Chị T và anh B không có yêu cầu nên không xem xét

giải quyết; nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị Đàm Thị T vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn anh Vũ Trọng B đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Về hôn nhân: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Đàm Thị T và anh Vũ Trọng B được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M theo Giấy chứng nhận kết hôn số 83 ngày 13/10/2011 là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hoà hợp, bất đồng quan điểm sống, bất đồng quan điểm trong làm ăn kinh tế. Do mâu thuẫn từ năm 2019 đến nay chị T và anh B đã sống ly thân. Do không còn tình cảm, chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B. Tài liệu xác minh thể hiện mâu thuẫn giữa chị T và anh B đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị T xin ly hôn anh B, căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Đàm Thị T được ly hôn anh Vũ Trọng B.

[3]. Về con chung: Chị T trình bày chị và anh B có hai con chung là Vũ Ánh Dương, sinh ngày 12/5/2012 và Vũ Kiều Oanh, sinh ngày 18/9/2015. Khi ly hôn chị T đề nghị được nuôi cả hai con chung. Tuy nhiên việc giao con cho ai nuôi dưỡng cần phải xem xét về mọi mặt. Từ khi vợ chồng ly thân, chị T trực tiếp nuôi cả hai con chung; các con được chăm sóc và phát triển bình thường. Mặt khác con chung có nguyện vọng được ở cùng với mẹ. Vì vậy căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao cả hai con Vũ Ánh Dương và Vũ Kiều Oanh cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh B không có quan điểm trình bày nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Toà án giải quyết; mặt khác chưa có lời khai của anh B nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; chị Đàm Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[6]. Về quyền kháng cáo: Chị Đàm Thị T và anh Vũ Trọng B có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Đàm Thị T được ly hôn anh Vũ Trọng B.
2. Về con chung: Giao cho chị Đàm Thị T trực tiếp nuôi cả con chung là Vũ Ánh Dương, sinh ngày 12/5/2012 và Vũ Kiều Oanh, sinh ngày 18/9/2015; cho đến khi từng con trưởng thành và có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm và chăm sóc con chung mà không ai được ngăn cản.
3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Đàm Thị T và anh Vũ Trọng B không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.
4. Về tài sản chung: Chị Đàm Thị T không yêu cầu Toà án giải quyết; mặt khác chưa có lời khai của anh Vũ Trọng B nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.
5. Về án phí: Chị Đàm Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016012 ngày 19 tháng 7 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, thành phố Hải Phòng. Chị Đàm Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Đàm Thị T và anh Vũ Trọng B vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã M, T, Hải Phòng;
(Giấy CNKH số 83/2011 ngày 13/10/2011);
- Dương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Sự